

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LAM SƠN

Biểu mẫu 10

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
năm học: 2024- 2025 (đến 10/01/2025)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1003	268	321	236	178
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	837 83,44%	258 96,27%	259 80,69%	179 75,85%	141 79,21%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	135 13,45%	9 3,36%	50 15,58%	48 20,34%	28 15,73%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	24 2,39%	01 0,37%	8 2,49%	9 3,81%	6 3,37%
4	Yếu /Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,72%	00	4 1,25%	00	3 1,09%
II	Số học sinh chia theo học lực	1003	268	321	236	178
1	Giỏi /Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	294 29,31%	85 31,72%	102 31,78%	55 23,31%	52 29,21%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	375 37,38%	115 42,91%	109 33,96%	80 33,9%	71 39,89%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	273 27,21%	58 21,64%	80 24,92%	84 35,59%	51 28,65%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	61 6,1%	10 3,73%	30 9,35%	17 7,2%	4 2,25%
5	Kém/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
	Học xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
a	Học sinh giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12/33 1,2%/3,3%	02/14 0,7%/5,22%	3/10 0,9%/3,1%	2/5 0,8%/2,1%	5/4 2,8%/2,2%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	01 0,3%	0	0

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	40	01	06	14	19
1	Cấp huyện	40	01	06	14	19
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0	0	0	0	0
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0	0	0	0	231
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	536/467	134/134	167/154	131/105	104/74
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	34	12	7	5	10

Bình Thuận, ngày 10 tháng 01 năm 2025



Thư trưởng đơn vị

Lê Đình Thảo